



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 03

Ngày 15 tháng 01 năm 2014

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 10-12-2013 - Nghị quyết số 24/2013/NQ-HĐND về tổng quyết toán ngân sách thành phố năm 2012. 5
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 25/2013/NQ-HĐND về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2014. 8
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 26/2013/NQ-HĐND về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại các trạm thu phí trên Xa lộ Hà Nội và tại cầu Bình Triệu theo Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính. 13
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 27/2013/NQ-HĐND về ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tỷ lệ phần trăm trích để lại cho cơ quan thu phí, lệ phí về giao dịch bảo đảm thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. 15

- 10-12-2013 - Nghị quyết số 28/2013/NQ-HĐND về kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn 2014 - 2015 và năm 2014 nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố. 18
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 29/2013/NQ-HĐND về việc đề xuất giảm tỷ lệ thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 20
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 30/2013/NQ-HĐND về Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh công bố ngày 01 tháng 01 năm 2014. 22
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 31/2013/NQ-HĐND về điều chỉnh một số chế độ, chính sách hỗ trợ cho đối tượng người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý. 24
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 32/2013/NQ-HĐND về bổ sung Quỹ tên đường tại thành phố. 28
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 33/2013/NQ-HĐND về việc điều chỉnh một phần giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính. 30

Trang

- 10-12-2013 - Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND về mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2014 - 2015. 34
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 35/2013/NQ-HĐND phê chuẩn tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập và thông qua tổng biên chế công chức trong cơ quan tổ chức Hành chính năm 2014 của thành phố Hồ Chí Minh. 36
- 10-12-2013 - Nghị quyết số 36/2013/NQ-HĐND về chương trình hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố năm 2014. 38
- 12-12-2013 - Nghị quyết số 37/2013/NQ-HĐND về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 12 Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII. 41
- 12-12-2013 - Nghị quyết số 38/2013/NQ-HĐND về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2014. 44

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

- 03-01-2014 - Quyết định số 01/2014/QĐ-UBND sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận 4 ban hành kèm theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 4. 51

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9

- 20-12-2013 - Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 9. 53

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10

27-12-2013 - Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10.

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về tổng quyết toán ngân sách thành phố năm 2012

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12

(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2011/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII về dự toán và phân bổ ngân sách năm 2012;

Xét báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về quyết toán ngân sách thành phố năm 2012, báo cáo thẩm tra số 781/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách, ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng quyết toán ngân sách thành phố năm 2012, như sau:

1. Về thu ngân sách:

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính thu để lại quản lý qua ngân sách nhà nước): 212.063,461 tỷ đồng, đạt 93,34% dự toán năm, trong đó:

- Thu ngân sách nhà nước phần nội địa: 109.426,250 tỷ đồng, đạt 88,75% dự toán và tăng 6,72% so với cùng kỳ.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 67.810,128 tỷ đồng, đạt 85,94% dự toán và giảm 0,27% so với cùng kỳ.

- Thu từ dầu khô: 34.260,163 tỷ đồng, đạt 137,04% dự toán và tăng 25,26% so cùng kỳ.

- Thu viện trợ: 566,920 tỷ đồng.

1.2. Tổng thu ngân sách địa phương: 76.932,268 tỷ đồng; trong đó:

- Thu điều tiết theo phân cấp: 38.835,730 tỷ đồng, đạt 111,11% so với dự toán năm và tăng 5,88% so với cùng kỳ.

- Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 2.335,553 tỷ đồng

- Thu kết dư năm trước: 8.429,215 tỷ đồng

- Thu chuyển nguồn năm trước: 10.002,644 tỷ đồng

- Thu từ viện trợ không hoàn lại: 566,920 tỷ đồng

- Các khoản thu để lại chi quản lý qua ngân sách: 10.752,206 tỷ đồng

2. Về chi ngân sách địa phương:

Tổng số chi ngân sách địa phương là: 65.045,985 tỷ đồng, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách: 24.553,001 tỷ đồng, bao gồm:

a) Chi đầu tư phát triển: 23.344,135 tỷ đồng, trong đó:

- Chi thanh toán khối lượng hoàn thành trong năm: 18.381,276 tỷ đồng, bằng 179,54% dự toán đầu năm bố trí từ cân đối ngân sách; bằng 103% kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2012 được giao.

- Chi chuyển nguồn tạm ứng vốn đầu tư sang năm 2013 để theo dõi, thanh toán theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước: 4.962,859 tỷ đồng.

b) Chi trả nợ vốn gốc và lãi vay đầu tư: 1.208,866 tỷ đồng

2.2. Chi thường xuyên: 24.712,925 tỷ đồng, đạt 103,84% so với dự toán.

2.3. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính: 11,400 tỷ đồng.

2.4. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách Trung ương: 1.339,633 tỷ đồng.

2.5. Chi chuyển nguồn kinh phí thường xuyên năm 2011 sang năm 2012: 5.205,048 tỷ đồng

2.6. Các khoản chi từ nguồn thu được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách địa phương: 9.223,978 tỷ đồng.

3. Kết dư ngân sách năm 2012:

Tổng kết dư ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách thành phố, ngân sách quận - huyện và ngân sách phường - xã - thị trấn) là: 11.881,283 tỷ đồng. Bao gồm:

- Ngân sách thành phố: 9.977,923 tỷ đồng;
- Ngân sách quận huyện: 1.750,377 tỷ đồng;
- Ngân sách phường, xã, thị trấn: 152,983 tỷ đồng.

Đối với kết dư ngân sách quận, huyện và ngân sách phường, xã, thị trấn thực hiện theo đúng Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

(Kèm theo các Phụ lục số 1, 2, 3, 4, 5 và 6).

Điều 2. Căn cứ vào việc phê chuẩn của Hội đồng nhân dân thành phố, giao Ủy ban nhân dân thành phố:

- Thực hiện công khai tài chính đúng quy định, thường xuyên rà soát những định mức không còn phù hợp và các khoản chi không hợp lý để trình cấp thẩm quyền sửa đổi.

- Ủy ban nhân dân thành phố gửi báo cáo quyết toán ngân sách thành phố cho Bộ Tài chính theo luật định.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2014

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12 (Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2337/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 2986/QĐ-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2014;

Sau khi xem xét Báo cáo ước thực hiện thu chi ngân sách năm 2013 và dự toán thu chi ngân sách năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 781/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về thực hiện nhiệm vụ ngân sách thành phố năm 2013:

Căn cứ Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách năm 2013 và việc tổ chức, điều hành ngân sách của Ủy ban nhân dân thành phố:

Trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 còn nhiều khó khăn, Hội

đồng nhân dân thành phố ghi nhận những nỗ lực, phấn đấu của Ủy ban nhân dân thành phố trong công tác chỉ đạo điều hành để đạt được những kết quả như Tờ trình đã thể hiện, cụ thể: điều hành ngân sách ở thể chủ động, tích cực; có những giải pháp mạnh mẽ, quyết liệt để thu hồi nợ thuế; đảm bảo nhiệm vụ chi thường xuyên, chi các nhiệm vụ đột xuất phát sinh và chi đầu tư phát triển; tăng cường tiết kiệm, cắt giảm các nội dung chi chưa thật sự cấp bách theo chủ trương của Chính phủ... Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố còn chủ động thực hiện những biện pháp huy động vốn bằng nhiều hình thức và đẩy mạnh xã hội hóa để bổ sung nguồn lực cho đầu tư, đáp ứng nhu cầu vốn cho các công trình trọng điểm, cấp bách trên địa bàn, góp phần tích cực đảm bảo tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố.

Điều 2. Thông qua dự toán phân bổ ngân sách năm 2014:

1. Về thu, chi ngân sách:

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (không tính số ghi thu quản lý qua ngân sách): 226.300 tỷ đồng, giảm 4,45% so dự toán và giảm 0,53% so ước thực hiện năm 2013.

Bao gồm:

- Tổng thu ngân sách nhà nước phần nội địa: 124.200 tỷ đồng
- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 74.800 tỷ đồng
- Thu từ dầu thô: 27.300 tỷ đồng

1.2. Tổng thu ngân sách địa phương: 41.979,337 tỷ đồng

Trong đó:

- Số thu phân chia cho ngân sách địa phương: 37.758,780 tỷ đồng
- Bổ sung theo mục tiêu từ ngân sách trung ương: 1.322,077 tỷ đồng
- Nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang: 858,480 tỷ đồng
- Ghi thu quản lý qua ngân sách: 2.040 tỷ đồng

Bao gồm:

- + Ghi thu hoạt động xố số kiến thiết: 1.750 tỷ đồng
- + Ghi thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải: 290 tỷ đồng

* Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố được huy động vốn bằng nhiều hình thức

(nguồn vượt dự toán, vay mượn vốn nhà rỗi Kho bạc Nhà nước, nguồn trái phiếu Chính phủ, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và huy động các nguồn vốn ngoài nước) để tăng chi đầu tư phát triển trong năm 2014 nhằm bảo đảm cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2014 đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.

1.3. Tổng chi ngân sách địa phương: 41.979,337 tỷ đồng

Bao gồm:

- Chi cân đối ngân sách: 40.657,260 tỷ đồng

- Chi từ nguồn bổ sung theo mục tiêu của ngân sách trung ương: 1.322,077 tỷ đồng

(Kèm theo Phụ lục số 01, 02, 03, 04)

2. Về phân bổ dự toán chi ngân sách:

2.1. Thông qua định mức phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2014.

(Kèm theo Phụ lục số 05)

2.2. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2014: 41.979,337 tỷ đồng

Cụ thể như sau:

- Chi đầu tư phát triển: 11.145,860 tỷ đồng

Trong đó chi trả vốn gốc và lãi vay: 3.373,000 tỷ đồng

- Chi thường xuyên: 29.500,000 tỷ đồng

Trong đó dự phòng ngân sách: 789,354 tỷ đồng

- Chi bổ sung quỹ Dự trữ tài chính: 11,400 tỷ đồng

- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách trung ương: 1.322,077 tỷ đồng

2.3. Phân bổ dự toán chi thường xuyên từ ngân sách thành phố cho từng cơ quan, sở ban ngành *(Kèm phụ lục số 06);*

3. Phân bổ dự toán thu chi ngân sách quận huyện:

- Tổng thu ngân sách nhà nước năm 2014 phân bổ cho 24 quận huyện: 27.515,000 tỷ đồng (không tính số ghi thu quản lý qua ngân sách).

- Tổng thu ngân sách quận huyện năm 2014 (không tính số ghi thu quản lý qua ngân sách): 13.630,524 tỷ đồng, bao gồm:

- + Thu điều tiết được hưởng theo phân cấp: 4.647,396 tỷ đồng.
- + Thu bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố: 8.873,762 tỷ đồng.
- + Nguồn cải cách tiền lương của quận huyện đưa vào cân đối: 109,366 tỷ đồng.
- Tổng dự toán chi ngân sách quận huyện (không tính khoản chi từ nguồn thu quản lý qua ngân sách): 13.630,524 tỷ đồng.

(Kèm phụ lục số 07, 08, 09, 10, 11)

Điều 3. Trong quá trình điều hành thực hiện ngân sách, Hội đồng nhân dân thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố quan tâm các vấn đề sau:

1. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố giao nhiệm vụ thu chi ngân sách cho từng cơ quan, ban ngành thành phố và các quận huyện theo đúng quy định.

2. Phân đầu thu đạt và vượt kế hoạch để đảm bảo cân đối chi theo kế hoạch. Tăng cường các biện pháp quản lý nguồn thu và bồi dưỡng nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời theo quy định của pháp luật; tập trung công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định về nghĩa vụ thuế; tăng cường rà soát đơn đốc, thu nộp nợ thuế kịp thời.

3. Đa dạng phương thức huy động nguồn lực để đầu tư phát triển nhất là đối với những dự án hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm. Nguồn vốn vay, huy động phải được sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả.

4. Đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, vệ sinh môi trường. Thực hiện đồng bộ cơ chế khoán chi, đấu thầu trong duy tu giao thông, công viên cây xanh, vận chuyển hành khách bằng phương tiện công cộng để giảm dần việc chi từ ngân sách.

5. Đảm bảo sử dụng dự phòng ngân sách đúng nội dung quy định của Luật Ngân sách nhà nước; báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố hàng quý và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

6. Việc điều hành sử dụng ngân sách phải theo đúng dự toán được duyệt và đúng Luật Ngân sách nhà nước.

Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tăng cường giám sát việc thực hiện ngân sách đảm bảo đúng Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại
các trạm thu phí trên Xa lộ Hà Nội và tại cầu Bình Triệu theo
Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12 (Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư đường bộ;

Xét Tờ trình số 6485/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại các trạm thu phí trên Xa lộ Hà Nội và tại cầu Bình Triệu theo Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính; báo cáo thẩm tra số 792/BC-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 6485/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh mức thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ tại các trạm thu phí trên Xa lộ Hà Nội và tại cầu Bình Triệu theo Thông tư số 159/2013/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể theo bảng như sau:

Số thứ tự	Loại xe	Mệnh giá (đồng)		
		Vé lượt	Vé tháng	Vé quý
1	Xe dưới 12 ghế ngồi, xe tải có tải trọng dưới 2 tấn; các loại xe buýt vận tải khách công cộng.	15.000	450.000	1.200.000
2	Xe từ 12 ghế ngồi đến 30 ghế ngồi; xe tải có tải trọng từ 2 tấn đến dưới 4 tấn.	20.000	600.000	1.600.000
3	Xe từ 31 ghế ngồi trở lên; xe tải có tải trọng từ 4 tấn đến dưới 10 tấn	25.000	750.000	2.000.000
4	Xe tải có tải trọng từ 10 tấn đến dưới 18 tấn; xe chở hàng bằng Container 20 feet.	40.000	1.200.000	3.200.000
5	Xe tải có tải trọng từ 18 tấn trở lên; xe chở hàng bằng Container 40 feet.	80.000	2.400.000	6.500.000

Thời gian thực hiện: kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và xem xét rút ngắn thời gian thực hiện của Dự án.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm,
phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tỷ lệ phần trăm
trích để lại cho cơ quan thu phí, lệ phí về giao dịch bảo đảm
thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn
thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

Căn cứ Thông tư số 69/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 18 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và phí sử dụng dịch vụ khách hàng thường xuyên;

Xét Tờ trình số 6439/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tỷ lệ phần trăm trích để lại cho cơ quan thu phí, lệ phí về giao dịch bảo đảm thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố; báo cáo thẩm tra số 785/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Kinh

tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 6439/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm, phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm và tỷ lệ phần trăm trích để lại cho cơ quan thu phí, lệ phí về giao dịch bảo đảm thuộc ngành tài nguyên và môi trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

1. Mức thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm:

Số TT	CÁC TRƯỜNG HỢP NỘP LỆ PHÍ	MỨC THU (đồng/hồ sơ)
1	Đăng ký giao dịch bảo đảm	80.000
2	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản bảo đảm	70.000
3	Đăng ký thay đổi nội dung giao dịch bảo đảm đã đăng ký	60.000
4	Xoá đăng ký giao dịch bảo đảm	20.000

2. Mức thu phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm (bao gồm cả trường hợp cung cấp văn bản chứng nhận hoặc bản sao văn bản chứng nhận về giao dịch bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án) là 30.000 đồng/trường hợp.

3. Tỷ lệ phần trăm trích để lại như sau:

+ Đối với lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm: Cơ quan thu lệ phí được trích lại 85% trên tổng số tiền thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu lệ phí theo chế độ quy định và nộp 15% vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm: Cơ quan thu lệ phí được trích lại 65% trên tổng số tiền thu được để trang trải cho việc thực hiện công việc, dịch vụ thu phí và nộp 35% vào ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này thống nhất trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, khoản 3, điều 1 Nghị

quyết số 03/2008/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII, kỳ họp thứ 13 và Nghị quyết số 20/2010/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII, kỳ họp thứ 19 hết hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12, thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn 2014 - 2015 và năm 2014
nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP 12
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 22/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố về kế hoạch đầu tư xây dựng 3 năm 2013 - 2015 và năm 2013 nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố;

Xét Tờ trình số 6438/TTr-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn 2014 - 2015 và năm 2014 nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố; báo cáo thẩm tra số 783/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố năm 2014 là **14.475 tỷ đồng** (không tính vốn ODA); trong năm, tùy theo khả năng huy động thêm các nguồn vốn vào ngân sách để bố trí cho đầu tư xây dựng cơ bản, cho phép Ủy ban nhân dân thành phố được huy động đến đâu bố trí cân đối vốn cho các dự án để chi đầu tư xây dựng cơ bản đến đó và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố vào kỳ họp cuối năm.

Điều 2. Thông qua bổ sung chủ trương đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn ngân sách nhà nước của thành phố năm 2014 do Ủy ban nhân dân thành phố trình tại kỳ họp gồm 107 dự án (*đính kèm danh mục dự án*). Những dự án khởi công mới, chuyển tiếp, chuẩn bị đầu tư, chuẩn bị thực hiện dự án, quy hoạch... mà Hội đồng nhân dân thành phố đã thông qua tại các kỳ họp trước đây, vẫn tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành nghiệm thu công trình.

Đối với một số dự án cấp bách, phục vụ an sinh xã hội cần bố trí vốn để triển khai thực hiện ngay mà chưa được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ trình Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định đối với từng dự án cụ thể và báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố vào kỳ họp cuối năm; riêng đối với các dự án đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua chủ trương đầu tư nhưng cần điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, cho phép Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định đối với từng dự án cụ thể.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ vào danh mục đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện theo khả năng huy động vốn ngân sách để chi cho đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2014 - 2015.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về việc đề xuất giảm tỷ lệ thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người
dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP 12 (Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Quản lý Thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu;

Căn cứ Nghị định số 23/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ về lệ phí trước bạ;

Căn cứ Thông tư số 34/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 124/2011/TT-BTC ngày 31 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về lệ phí trước bạ;

Xét Tờ trình số 6251/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề xuất giảm tỷ lệ thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; báo cáo thẩm

tra số 784/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 6251/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề xuất giảm tỷ lệ thu lệ phí trước bạ đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) nộp lệ phí trước bạ lần đầu với mức thu là **10%**.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay thế Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2011 về ban hành mức thu lệ phí trước bạ đối với ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi (kể cả lái xe) trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh
công bố ngày 01 tháng 01 năm 2014**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Xét Tờ trình số 6446/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố công bố ngày 01 tháng 01 năm 2014; báo cáo thẩm tra số 782/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 6446/TTr-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố công bố ngày 01 tháng 01 năm 2014. (Có danh mục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12, thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 31/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh một số chế độ, chính sách hỗ trợ cho đối tượng người cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của Trung tâm theo Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh và Nghị định số 61/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2004/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Nghị định số 61/2011/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 43/2005/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ quy định việc đưa người nghiện ma túy, người bán dâm không có nơi cư trú nhất định vào lưu trú tạm thời tại cơ sở chữa bệnh (sau đây viết tắt là Nghị định số 43/2005/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2012/TTLT-BTC-BLĐT BXH ngày 24 tháng 02

năm 2012 của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, chế độ đóng góp và miễn, giảm, hỗ trợ đối với đối tượng trong cơ sở chữa bệnh và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng;

Xét Tờ trình số 6326/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 về điều chỉnh một số chế độ, chính sách hỗ trợ cho đối tượng cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý; báo cáo thẩm tra số 788/BC-VHXH ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với nội dung của Tờ trình số 6326/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 về điều chỉnh một số chế độ, chính sách hỗ trợ cho đối tượng cai nghiện ma túy, người sau cai nghiện, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Y tế và Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố quản lý với những nội dung cụ thể như sau:

1. Về hỗ trợ tiền ăn:

a) Hỗ trợ tiền ăn là 15.000 đồng/người/ngày cho các đối tượng sau:

- Người sau cai nghiện ma túy hiện đang được hưởng mức tiền ăn là 12.000 đồng/người/ngày theo Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH của Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn chế độ hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại nơi cư trú; chế độ đóng góp và hỗ trợ đối với người sau cai nghiện ma túy tại trung tâm.

- Bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái đang được hưởng mức tiền ăn là 8.000 đồng/người/ngày theo Quyết định số 62/2009/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về điều chỉnh trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội và tiền ăn cho đối tượng bảo trợ xã hội bị ốm đau nằm điều trị tại cơ sở y tế của các đơn vị sự nghiệp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố và Sở Y tế quản lý.

b) Hỗ trợ tiền ăn là 30.000 đồng/người/ngày cho các đối tượng sau:

- Người đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm Tiếp nhận đối tượng xã hội Bình Triệu hiện đang được hưởng mức tiền ăn là 15.000 đồng/người/ngày theo Quyết định số 12/2013/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Người đưa vào lưu trú tạm thời tại Trung tâm Hỗ trợ xã hội hiện đang được hưởng mức tiền ăn là 15.000 đồng/người/ngày theo Quyết định số 87/2010/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Về các chế độ hỗ trợ khác cho người sau cai nghiện ma túy, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn:

a) Hỗ trợ mua sắm vật dụng cá nhân cho người sau cai nghiện, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn là: 400.000 đồng/người/năm.

b) Hỗ trợ tiền ăn đi đường cho người sau cai nghiện, bệnh nhân Bệnh viện Nhân Ái, đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn: 40.000 đồng/người/ngày, tối đa không quá 05 ngày.

c) Hỗ trợ học nghề cho người sau cai nghiện và đối tượng bảo trợ xã hội: 2.000.000 đồng/người/khóa.

3. Về mức chuẩn để xác định trợ cấp xã hội (hệ số 1) cho các đối tượng bảo trợ xã hội và trại viên Khu điều trị phong Bến Sắn: Nâng mức chuẩn để xác định trợ cấp xã hội (hệ số 1) từ 240.000 đồng lên 380.000 đồng, tương ứng với tỷ lệ tăng lương tối thiểu từ năm 2011 (830.000 đồng) đến thời điểm hiện nay (1.150.000 đồng).

4. Về chính sách trợ cấp thường xuyên cho người ngưng hưởng chế độ mất sức lao động: Tăng mức trợ cấp thường xuyên cho đối tượng trên từ 150.000 đồng/người/tháng lên 380.000 đồng/người/tháng, tương ứng với tỷ lệ tăng lương tối thiểu từ năm 2007 (450.000 đồng) đến thời điểm hiện nay (1.150.000 đồng).

5. Thời gian thực hiện:

a) Thời gian thực hiện điều chỉnh các chế độ tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 nêu trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

b) Thời gian thực hiện điều chỉnh chính sách trợ cấp thường xuyên đối với người ngưng hưởng chế độ mất sức lao động tại khoản 4 nêu trên như sau:

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2013: Mức hưởng 350.000 đồng/người/tháng;

- Từ ngày 01 tháng 7 năm 2013: Mức hưởng 380.000 đồng/người/tháng.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT
Về bổ sung Quỹ tên đường tại thành phố

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Nghị quyết số 17/2013/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2013 của Hội đồng nhân dân thành phố về tiêu chí chọn, đưa vào Quỹ tên đường tại thành phố;

Căn cứ Quyết định số 31/2013/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành tiêu chí chọn, đưa vào Quỹ tên đường tại thành phố;

Xét Tờ trình số 6015/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ sung Quỹ tên đường tại thành phố; báo cáo thẩm tra số 790/BC-VHXH ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với nội dung của Tờ trình số 6015/TTr-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ sung Quỹ tên đường tại thành phố với 1070 tên đường, cụ thể sau:

- Danh sách tên các nhân vật lịch sử và địa danh là 101 tên đường, gồm:

- + 19 tên đường mang tên nhân vật lịch sử trước thế kỷ 20;
- + 45 tên đường mang tên nhân vật lịch sử sau thế kỷ 20;
- + 27 tên đường mang tên nhà nghiên cứu, nhà hoạt động văn hóa nghệ thuật, khoa học kỹ thuật;
- + 08 tên đường mang tên danh nhân người nước ngoài;
- + 02 tên đường mang tên địa danh.

- Danh sách 969 Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng đã mất được truy tặng, phong tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh hùng đủ điều kiện để bổ sung Quỹ tên đường tại thành phố. (Có danh sách đính kèm theo)

Hội đồng nhân dân giao cho Ủy ban nhân dân thành phố tiếp tục xem xét bổ sung thêm Quỹ tên đường

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh một phần giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12 (Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo hiểm Y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 85/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ về cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập và giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1223/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc đính chính Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1904/1998/QĐ-BYT ngày 10 tháng 8 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục phân loại phẫu thuật và thủ thuật;

Căn cứ Quyết định số 2590/2004/QĐ-BYT ngày 30 tháng 7 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành danh mục phân loại phẫu thuật và thủ thuật được hưởng phụ cấp theo Quyết định số 155/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số chế độ phụ cấp đặc thù đối với công chức, viên chức ngành y tế;

Căn cứ Quyết định số 355/QĐ-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt danh mục định mức tạm thời thuốc, hóa chất và vật tư tiêu hao để làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ y tế;

Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-BYT ngày 20 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành tạm thời định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở xây dựng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Công văn số 2210/BYT-KH-TC ngày 16 tháng 4 năm 2012 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn triển khai Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 1513/BHXH-CSYT ngày 20 tháng 4 năm 2012 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn triển khai Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số 6041/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính; báo cáo thẩm tra số 791/BC-VHXH ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với nội dung của Tờ trình số 6041/TTr-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-

BYT-BTC (xin được viết tắt là TTLT 04) ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính với những nội dung cụ thể như sau:

1. Đối tượng áp dụng điều chỉnh giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính:

Các cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thực hiện chức năng khám, chữa bệnh, gồm:

* Tuyển thành phố: 29 bệnh viện, 01 Khu Điều trị, 02 trung tâm, 01 Phòng khám chuyên khoa.

* Tuyển huyện: 23 bệnh viện quận/huyện.

* Tuyển cơ sở: gồm 322 trạm y tế phường, xã, thị trấn.

2. Phương án điều chỉnh giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh áp dụng cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29 tháng 02 năm 2012 của Liên Bộ Y tế - Bộ Tài chính

a) Xây dựng theo lộ trình 3 năm (năm 2014, năm 2015, năm 2016, điều chỉnh hàng năm), đạt mức tối đa khung giá đến năm 2016. Thực hiện việc điều chỉnh bắt đầu từ ngày 01 tháng 6 năm 2014 với lộ trình cụ thể như sau:

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2014:

+ Phần A, B, C (trừ C4): 75% TTLT 04/2012 (477 dịch vụ kỹ thuật)

+ Phần C4: 65% TTLT 04/2012 (1.519 dịch vụ kỹ thuật)

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2015:

+ Phần A, B, C (trừ C4): 85% TTLT 04/2012

+ Phần C4: 75% TTLT 04/2012

- Từ ngày 01 tháng 6 năm 2016:

Phần A, B, C: 100% TTLT 04/2012

b) Riêng đối với 25 dịch vụ kỹ thuật được quy định tại TTLT 04 có giá bằng hoặc thấp hơn giá cũ (Thông tư liên tịch số 14/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH-BVGCP ngày 30 tháng 9 năm 1995 và Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 26 tháng 01 năm 2006): thực hiện mức 100% khung giá TTLT 04.

c) Đối với 1.038 dịch vụ kỹ thuật không quy định tại TTLT 04 gồm: 911 dịch vụ kỹ thuật của Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BYT-BTC-BLĐT BXH ngày 26 tháng 01 năm 2006 và 127 dịch vụ kỹ thuật tương đương theo Quyết định số 4070/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2011: giữ nguyên giá (do không bị điều chỉnh bởi TTLT 04).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 34/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2014 - 2015

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 6329/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 về đề xuất mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2014 - 2015; báo cáo thẩm tra số 789/BC-VHXH ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với nội dung của Tờ trình số 6329/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2013 về đề xuất mức chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2014 - 2015 như sau:

- Tiêu chí hộ nghèo thành phố giai đoạn 4 (2014 - 2015) thu nhập là 16.000.000 đồng/người/năm trở xuống.

- Tiêu chí hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 4 (2014 - 2015) thu nhập từ 16.000.000 đến 21.000.000 đồng/người/năm trở xuống.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Phê chuẩn tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị
sự nghiệp công lập và thông qua tổng biên chế công chức
trong cơ quan tổ chức Hành chính năm 2014
của thành phố Hồ Chí Minh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)**

Căn cứ Khoản 4, Điều 17 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Điều 16, Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức;

Xét Tờ trình số 721/TTr-UBND-M ngày 25 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch biên chế hành chính, sự nghiệp công lập năm 2014; báo cáo thẩm tra số 777/BC-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn tổng số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2014 của thành phố Hồ Chí Minh là 123.212 người, bao gồm:

- Khối sở, ban, ngành: 48.365 người
- Khối quận, huyện: 72.926 người
- Dự phòng: 1.921 người

Giao Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ tổng số lượng người làm việc trong các

đơn vị sự nghiệp công lập năm 2014 đã được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua, ban hành Quyết định và hướng dẫn việc thực hiện số lượng người làm việc đối với từng đơn vị theo quy định.

Điều 2. Về tổng biên chế hành chính năm 2014 là 13.049 biên chế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về chương trình hoạt động giám sát của
Hội đồng nhân dân thành phố năm 2014**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Xét Tờ trình số 772/TTr-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2013 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về chương trình hoạt động giám sát năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất tổ chức các hoạt động giám sát trong năm 2014, gồm các nội dung:

1. Tại kỳ họp thường kỳ giữa năm 2014 (dự kiến vào tháng 7 năm 2014), Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII xem xét:

a) Tình hình thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm 2014; báo cáo kết quả giám sát giải quyết kiến nghị của cử tri từ kỳ họp thứ 12 đến trước kỳ họp thường kỳ lần sau; tổ chức giám sát chuyên đề tại kỳ họp; tiến hành hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Giám sát các chuyên đề:

Tái giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết số 16/2012/NQ-HĐND ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII về công tác lập, tổ chức thực hiện và quản lý quy hoạch đô thị; tình hình thực hiện cải cách hành chính trên địa bàn thành phố giai đoạn 2011 - 2015; tình hình thực hiện chương trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các khu công nghiệp - khu chế xuất; chương trình cung cấp nước sạch trên địa bàn thành phố, chương trình giảm nghèo - tăng hộ khá giai đoạn 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tại kỳ họp thường kỳ cuối năm 2014 (dự kiến vào tháng 12 năm 2014), Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII xem xét:

a) Các báo cáo hoạt động năm 2014 của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố; báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội năm 2014 và nhiệm vụ năm 2015; quyết toán ngân sách năm 2013, ước thực hiện thu chi ngân sách năm 2014 và dự toán thu chi ngân sách năm 2015; báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân thành phố và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố; tiến hành hoạt động chất vấn, trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố.

b) Giám sát chuyên đề:

Kết quả thực hiện chương trình phát triển 04 ngành công nghiệp trọng yếu (cơ khí, điện tử - công nghệ thông tin, hóa dược- cao su, chế biến tinh lương thực - thực phẩm). Công tác thi hành án dân sự trên địa bàn thành phố; kết quả triển khai chương trình chống ngập nước; chương trình nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục - thể thao.

c) Phối hợp tham gia giám sát một số chuyên đề cùng với các Ủy ban của Quốc hội và Đoàn Đại biểu Quốc hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố. Tùy tình hình, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức chất vấn giữa hai kỳ họp; tổ chức hội nghị chuyên đề về các nội dung do đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và cử tri quan tâm, tổ chức thu thập ý kiến nhân dân hỗ trợ cho hoạt động giám sát; thực hiện tốt chế độ báo cáo tổng hợp, công tác phối hợp, đôn đốc thực hiện kiến nghị sau giám sát theo quy định.

Điều 3. Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố dành thời gian thích hợp tham gia các hoạt động giám sát do Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức; tăng cường thời gian tiếp xúc cử tri; kịp thời phản ánh; theo dõi đôn đốc các cơ quan, đơn vị giải quyết và trả lời các kiến nghị của cử tri theo luật định.

Điều 4. Các cơ quan, tổ chức có liên quan trên địa bàn thành phố được điều chỉnh theo Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ trong hoạt động giám sát; báo cáo và cung cấp kịp thời những thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố.

Điều 5. Tại kỳ họp cuối năm, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố báo cáo đánh giá việc thực hiện chương trình giám sát năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

**Về chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 12
Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12
(Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 12 năm 2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Trên cơ sở kết quả chất vấn và trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 12, Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII,

QUYẾT NGHỊ:

I. Hội đồng nhân dân thành phố ghi nhận qua báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp lần thứ 10 Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, ghi nhận các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố và các sở ngành, quận, huyện, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân đã tập trung giải quyết các kiến nghị của cử tri.

II. Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp thứ 12 đã tiến hành phiên họp chất vấn và trả lời chất vấn trong 1,5 ngày, có 50 đại biểu phát biểu với 137 câu hỏi nêu ra những vấn đề gắn liền với nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố, ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và những vấn đề bức xúc được cử tri thành phố quan tâm. Không khí chất vấn thẳng thắn, có trách nhiệm, đối thoại với tinh thần xây dựng cao.

Nội dung trả lời chất vấn của đồng chí lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố các sở, ban, ngành ngắn gọn đi thẳng vào các vấn đề mà đại biểu đặt ra; tuy nhiên vẫn còn một số câu hỏi chưa được trả lời đầy đủ, đề nghị các đơn vị tiếp tục trả lời chất vấn bằng văn bản cho đại biểu và Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố sau kỳ họp. Hội đồng nhân dân thành phố ghi nhận các giải pháp mà lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố, các sở, ngành được chất vấn cam kết trước Hội đồng nhân dân thành phố và đề nghị lưu ý các vấn đề sau:

1. Đối với Giám đốc Sở Giao thông vận tải:

- Tập trung chấn chỉnh việc phân luồng, phân tuyến xe buýt gắn với việc quy hoạch các bến bãi đảm bảo trật tự, mỹ quan đô thị phù hợp, thuận lợi cho người tham gia, tổ chức sơ kết, đánh giá hoạt động của tuyến xe buýt số 35 (quận 1) là tuyến thí điểm phục vụ khách du lịch.

- Xây dựng phong cách, thái độ phục vụ của tài xế, nhân viên hết lòng vì công việc, tận tụy với khách hàng, không phân biệt đối xử với các đối tượng phục vụ và nhất là người khuyết tật, đảm bảo an toàn cho hành khách và người tham gia giao thông.

- Nâng cao chất lượng xe buýt, tăng cường công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia sử dụng xe buýt, có giải pháp nâng cao hiệu quả việc trợ giá xe buýt, xử lý nghiêm những trường hợp xé vé thật nhưng khách hàng ảo.

- Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về đề án quảng cáo trên thân xe buýt, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo về vấn đề này tại kỳ họp thường kỳ giữa năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Đối với Giám đốc Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước trên địa bàn thành phố:

- Tập trung xử lý có hiệu quả các điểm ngập nước. Tăng cường việc nạo vét hệ thống thoát nước để tăng lưu lượng thoát nước phục vụ cho việc chống ngập.

- Phối hợp chặt chẽ với sở, ngành, quận, huyện, các nhà nghiên cứu khoa học trong việc rà soát, đẩy nhanh tiến độ thi công, bồi thường giải phóng mặt bằng đối với các công trình phục vụ giảm ngập nước, chú ý dự án kênh Tham Lương, Bến Cát, Rạch Nước Lên, dự án cải tạo Kênh Tân Hóa, Lò Gốm.

- Các ngành chức năng quản lý địa bàn tăng cường công tác kiểm tra, ngăn chặn, xử lý kịp thời tình trạng lấn chiếm, san lấp trái phép trên kênh, rạch, cửa xả, vận động

nhân dân cùng tham gia bảo vệ môi trường qua việc không xả rác xuống kênh rạch, lấn chiếm trên các cửa xả và hành lang bảo vệ kênh rạch.

3. Đối với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:

- Tích cực tham mưu với Ủy ban nhân dân thành phố về cơ chế quản lý khoa học và công nghệ, về sản phẩm nghiên cứu khoa học qua cơ chế đặt hàng. Nâng cao hiệu quả việc ứng dụng trong thực tế các đề tài nghiên cứu khoa học

- Tăng cường kết nối nghiên cứu khoa học với doanh nghiệp, kết nối giữa nhà lãnh đạo, nhà quản lý, nhà khoa học với doanh nghiệp trong đầu tư phát triển khoa học và công nghệ phục vụ cho sự phát triển của thành phố.

- Khai thác hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của thành phố, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp trong quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Tăng cường tham mưu các chính sách thu hút, sử dụng các chuyên gia về khoa học và công nghệ trong và ngoài nước, phát huy tính năng động, sáng tạo đội ngũ trí thức thành phố trong đó có đội ngũ trí thức trẻ.

III. Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các sở, ngành, quận, huyện liên quan triển khai các nội dung đã cam kết, báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết tại kỳ họp thường kỳ giữa năm 2014.

IV. Hội đồng nhân dân thành phố giao Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tổ chức giám sát việc thực hiện những giải pháp mà Ủy ban nhân dân, các sở, ban, ngành thành phố báo cáo tại phiên chất vấn kỳ họp thứ 12.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2013/.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2013/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 12 năm 2013

NGHỊ QUYẾT

Về nhiệm vụ kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2014

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2008/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội Khóa XII về thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân huyện, quận, phường tại 10 tỉnh, thành phố;

Sau khi xem xét các Báo cáo của Thường trực và các Ban Hội đồng nhân dân thành phố; các Báo cáo, Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Thông báo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các cơ quan hữu quan và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Hội đồng nhân dân thành phố tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2013, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố năm 2014.

Hội đồng nhân dân thành phố ghi nhận sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm cao của Ủy ban nhân dân thành phố trong quá trình chỉ đạo, điều hành kịp thời và đồng bộ vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa

- xã hội thành phố năm 2013 và giai đoạn 2011 - 2013, duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định hợp lý.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nội dung như sau:

I. Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội năm 2013:

Tổng sản phẩm nội địa của thành phố (GDP) năm 2013 tăng 9,3% cao hơn cùng kỳ (cùng kỳ tăng 9,2%), mức tăng trưởng từng quý tăng dần cho thấy kinh tế thành phố có dấu hiệu phục hồi. GDP của khu vực dịch vụ tăng 10,7%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,3%; khu vực nông nghiệp tăng 5,6%. Cơ cấu kinh tế thành phố tiếp tục chuyển dịch tích cực gắn tăng dần tỷ trọng 4 nhóm ngành công nghiệp trọng yếu và giá trị tăng thêm của 9 nhóm ngành dịch vụ, phát triển nông nghiệp đô thị. Chương trình bình ổn thị trường được triển khai hiệu quả góp phần kiềm chế chỉ số giá tiêu dùng của thành phố luôn thấp hơn so với cả nước.

Công tác quản lý và phát triển đô thị đạt nhiều kết quả khả quan, hoàn thành và đưa vào sử dụng một số công trình hạ tầng kỹ thuật trọng điểm, góp phần nâng cao năng lực giao thông và kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 3 mặt. Công tác chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường được tăng cường. Văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học - công nghệ có chuyển biến tích cực. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách tư pháp, phòng chống tham nhũng, lãng phí được chú trọng. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được tăng cường. Công tác đối ngoại đạt kết quả tích cực tạo môi trường thuận lợi để thành phố phát triển.

Tuy nhiên, tình hình kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế:

- Chưa đạt 4 chỉ tiêu bao gồm: Tốc độ tăng trưởng sản phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn; tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội; tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu; tỷ lệ xử lý nước thải y tế.

- Kinh tế tăng trưởng, chất lượng tăng trưởng chưa cao; yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng kinh tế còn hạn chế; chậm đầu tư công nghiệp hỗ trợ; kim ngạch xuất khẩu giảm; số doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động hoặc hoạt động cầm chừng còn nhiều; nợ xấu chưa giải quyết cơ bản, tiến độ cổ phần hóa, thực hiện tái cơ cấu các doanh nghiệp nhà nước còn chậm. Chất lượng nguồn nhân lực, khoa học - công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, các chính sách tạo điều kiện cho doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ chưa mạnh, hiệu quả chưa cao.

- Một số vấn đề văn hóa - xã hội gây bức xúc trong dân chậm được khắc phục, tình trạng quá tải ở các bệnh viện, an toàn vệ sinh thực phẩm chưa chuyển biến căn bản, tội phạm hình sự, tệ nạn xã hội ở một số địa bàn diễn biến phức tạp, tình hình trật tự an toàn giao thông và tai nạn giao thông tuy đã kéo giảm nhưng vẫn tiềm ẩn khả năng tăng cao, tình hình giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo còn nhiều khó khăn, công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí còn hạn chế.

II. Mục tiêu và các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2014:

Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; kinh tế thành phố đạt tốc độ tăng trưởng hợp lý và tập trung nâng cao chất lượng, tái cấu trúc, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố, đẩy mạnh thực hiện 6 chương trình đột phá, xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng; bảo đảm an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; bảo vệ tài nguyên, môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu; đẩy mạnh cải cách hành chính và phòng, chống tham nhũng, lãng phí; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

Năm 2014 là năm đặc biệt quan trọng, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phấn đấu thực hiện đạt kết quả cao nhất nghị quyết Đại hội IX Đảng bộ thành phố và thiết thực chào mừng kỷ niệm 40 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc (30/4/1975 - 30/4/2015) và các ngày kỷ niệm lịch sử trong năm 2014, 2015.

Các chỉ tiêu chủ yếu: (28 chỉ tiêu)

a) Các chỉ tiêu kinh tế (04 chỉ tiêu):

- (1) Tổng sản phẩm trong nước (GDP) trên địa bàn tăng 9,5% - 10%.
- (2) Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm khoảng 31% GDP.
- (3) Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu: 10%.
- (4) Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng thấp hơn cả nước

b) Các chỉ tiêu xã hội (12 chỉ tiêu):

- (1) Số lao động được giải quyết việc làm: 265.000 lượt người.
- (2) Số lao động được tạo việc làm mới: 120.000 người.
- (3) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo nghề: 68%.
- (4) Tỷ lệ thất nghiệp: 4,7%.

(5) Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới của thành phố (thu nhập từ 16 triệu đồng/người/năm trở xuống): 6,8%.

(6) Tỷ lệ sinh: 14,02‰.

(7) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng: < 8%.

(8) Số giường bệnh trên 1 vạn dân: 42 giường.

(9) Số bác sĩ trên 1 vạn dân: 14,5 bác sĩ.

(10) Diện tích nhà ở bình quân đầu người: 16,9 m².

(11) Số vụ ùn tắc giao thông trên 30 phút: hạn chế mức thấp nhất về số vụ.

(12) Số vụ tai nạn giao thông, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông: kéo giảm từ 5% - 10% trên cả ba mặt.

c) Các chỉ tiêu môi trường (12 chỉ tiêu):

(1) Số lượt người sử dụng phương tiện vận tải hành khách công cộng: 650 triệu lượt hành khách.

(2) Tỷ lệ hộ dân đô thị được cấp nước sạch: 100%.

(3) Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh: 100%.

(4) Tỷ lệ diện tích che phủ rừng và cây xanh phân tán quy đổi trên tổng diện tích đất tự nhiên đến cuối năm 2014: 39,8%.

(5) Tỷ lệ chất thải rắn thông thường ở đô thị được thu gom, xử lý: 100%.

(6) Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom, xử lý: 100%.

(7) Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý: 100%.

(8) Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường: 100%.

(9) Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý: 100%.

(10) Tỷ lệ nước thải y tế được xử lý: 100%.

(11) Số điểm ngập nước do mưa được giảm trên tổng số các điểm ngập nước hiện nay: giảm 6/11 điểm ngập nước do mưa.

(12) Số điểm ngập nước do triều được giảm trên tổng số các điểm ngập nước hiện nay: 1/3 điểm ngập nặng còn lại.

III. Nhiệm vụ và các giải pháp chính:

Hội đồng nhân dân thành phố thống nhất với các nhiệm vụ và giải pháp do Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo tại kỳ họp.

Thứ nhất, tập trung huy động mọi nguồn lực, khai thác tốt nhất tiềm năng, lợi thế tiếp tục góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát; nỗ lực phục hồi sản xuất - kinh doanh, bảo đảm tăng trưởng hợp lý, nâng cao chất lượng tăng trưởng; đẩy mạnh chương trình hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện tái cấu trúc, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế, đảm bảo bền vững theo hướng tăng trưởng xanh; phát triển 9 nhóm ngành dịch vụ, 4 nhóm ngành công nghiệp trọng yếu có hàm lượng khoa học - công nghệ và giá trị gia tăng cao.

Thứ hai, Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị bền vững gắn với đẩy mạnh thực hiện các chương trình đột phá. Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch, đảm bảo quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ với các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng và thành phố đến năm 2020 tầm nhìn 2025 gắn với ứng phó biến đổi khí hậu. Sử dụng hợp lý và hiệu quả vốn đầu tư từ ngân sách và có tính chất ngân sách; tranh thủ tối đa nguồn vốn ODA; bố trí vốn đảm bảo đúng mục tiêu, mục đích và hợp lý.

Thứ ba, Phát triển văn hóa - xã hội và bảo đảm an sinh xã hội.

Triển khai có hiệu quả về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú trọng đầu tư phát triển khoa học - công nghệ, nâng cao trình độ nghiên cứu và năng lực sáng tạo khoa học - công nghệ, đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ cao. Tạo môi trường thuận lợi phát huy năng lực sáng tạo của đội ngũ trí thức.

Tiếp tục củng cố, hoàn thiện mạng lưới y tế, đẩy nhanh tiến độ xây dựng các bệnh viện, khu y tế kỹ thuật cao; nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, tạo chuyển biến căn bản việc giải quyết tình trạng quá tải ở các bệnh viện; tăng cường công tác y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh, kiểm tra, thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm.

Phát triển văn hóa theo hướng tiên tiến, nhân văn, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và các giá trị văn hóa mang nét đặc trưng của thành phố; kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa trong thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động thể dục - thể thao, mở rộng và nâng cao chất lượng phong trào thể thao quần chúng; tập trung đầu tư có trọng điểm một số môn thể thao thành tích cao và ưu thế của thành phố.

Triển khai có hiệu quả các chính sách, quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, trợ giúp xã hội. Ưu tiên nguồn lực, đẩy mạnh thực hiện các chính sách và biện pháp bảo đảm an sinh xã hội.

Thứ tư, Thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạn chế tác động của triều cường, ngập lụt, xâm nhập mặn do nước biển dâng; quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên; phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường; xử lý nghiêm vi phạm, khắc phục ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của nhân dân.

Thứ năm, Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước của bộ máy chính quyền các cấp, tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường kiểm tra, thanh tra công vụ. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, đăng ký kinh doanh, thuế, hải quan và các dịch vụ hành chính công; đảm bảo tính chuyên nghiệp, công khai, minh bạch quy trình, thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả quản lý, giảm phiền hà cho nhân dân, tổ chức và doanh nghiệp. Tập trung hoàn thiện đề án thí điểm xây dựng Chính quyền đô thị.

Thứ sáu, Tăng cường và bảo đảm an ninh, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị - xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại. Gắn nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng. Đẩy mạnh phòng, chống, kéo giảm tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông, tạo sự chuyển biến rõ rệt tình hình an ninh trật tự trong dịp Tết Giáp Ngọ năm 2014.

Thứ bảy, Thực hiện chăm lo Tết Giáp Ngọ 2014 theo phương châm “Tết đoàn kết, tiết kiệm, vui tươi, lành mạnh, an toàn”, đảm bảo Tết đến với mọi nhà, mọi người.

IV. Tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố theo chức năng, nhiệm vụ có kế hoạch tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao Nghị quyết này.

Thường trực, các Ban, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện Nghị quyết này.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố cùng các tổ chức thành

viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội được thành lập theo quy định của pháp luật tăng cường giám sát, phát động các phong trào hành động thiết thực, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của người dân đến các cấp chính quyền.

Hội đồng nhân dân thành phố kêu gọi đồng bào, cán bộ, chiến sĩ thành phố tích cực hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước, nêu cao tinh thần đoàn kết, năng động, sáng tạo và quyết tâm vượt qua khó khăn để thực hiện thắng lợi Kế hoạch kinh tế - văn hóa - xã hội của thành phố năm 2014.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2013./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Quyết Tâm

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 4****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01/2014/QĐ-UBND

Quận 4, ngày 03 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH**Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận 4
ban hành kèm theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 4****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 18/2011/TTLT-BTP-BNV ngày 19 tháng 10 năm 2011 của Bộ Tư pháp - Bộ Nội vụ hướng dẫn nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Sở Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện về bồi thường nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp tại Tờ trình số 14/TTr-PTP ngày 27 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tư pháp quận 4 được ban hành kèm theo Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận 4 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 1 quy định về chức năng của Phòng Tư pháp thành:

“Phòng Tư pháp quận tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: công tác xây dựng và thi hành văn bản quy phạm pháp luật; kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; thi hành án dân sự; chứng thực; hộ tịch; trợ giúp pháp lý; hòa giải ở cơ sở; bồi thường nhà nước; theo dõi thi hành pháp luật và công tác tư pháp khác theo quy định của pháp luật.”

2. Bổ sung Khoản 21, 22 vào Điều 2 về nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Tư pháp như sau:

“21. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện nhiệm vụ bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính;

22. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện công tác theo dõi thi hành pháp luật.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Tư pháp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tiến Đạt

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2013/QĐ-UBND

Quận 9, ngày 20 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động
của Phòng Kinh tế Quận 9****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 9**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Nghị định số 12/2010/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2008/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 61/2008/TTLT-BNN-BNV ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về nông nghiệp và phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2008/TTLT-BCT-BNV ngày 28 tháng 5 năm 2008 của Bộ Công Thương và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn

và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2008/TTLT-BKHCN-BNV ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV ngày 05 tháng 8 năm 2009 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân thành phố về tổ chức cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 62/2010/QĐ-UBND ngày 01 tháng 9 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện;

Căn cứ Quyết định số 02/2011/QĐ-UBND ngày 11 tháng 01 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế quận - huyện;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 422/TTr-NV ngày 19 tháng 12 năm 2013 về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 9,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 9.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Thay thế Quyết định số 06/2011/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Quận 9 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 9.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận, Trưởng phòng Nội vụ,

Trưởng phòng Kinh tế, Thủ trưởng các phòng, ban, cơ quan, đơn vị trực thuộc Quận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 13 Phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 9

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Kinh tế Quận 9
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND
ngày 20 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 9)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí:

Phòng Kinh tế Quận là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Quận; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân Quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phòng Kinh tế Quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

2. Chức năng:

Phòng Kinh tế Quận có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân Quận thực hiện quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tiêu thủ công nghiệp; khoa học và công nghệ; công nghiệp; thương mại; dịch vụ; quản lý năng lượng; đăng ký kinh doanh; tổng hợp, thống nhất quản lý về kinh tế hợp tác xã, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; nông nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, ngư nghiệp gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn; quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của ngành nông nghiệp.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Kinh tế Quận có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Nhiệm vụ và quyền hạn chung thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước được giao:

a) Trình Ủy ban nhân dân Quận dự thảo quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về phát triển các ngành trên địa bàn Quận theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước và phân cấp quản lý trong lĩnh vực được giao trên địa bàn. Dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, nhiệm vụ cải cách hành chính về lĩnh vực được phân công sau khi được ban hành, phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến, hướng dẫn văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được giao;

c) Giúp Ủy ban nhân dân Quận quản lý nhà nước đối với hoạt động của các thành phần kinh tế trên địa bàn Quận trong phạm vi lĩnh vực các ngành kinh tế được phân công; hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trên địa bàn thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công;

d) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực được phân công cho cán bộ, công chức phường trên địa bàn Quận;

đ) Giúp Ủy ban nhân dân Quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản; các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân Quận;

e) Được quyền yêu cầu các cơ quan, đơn vị thuộc Quận và Ủy ban nhân dân phường cung cấp số liệu có liên quan đến lĩnh vực quản lý thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng; thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được giao của Phòng theo quy định của Ủy ban nhân dân Quận và các Sở - Ngành liên quan;

g) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, thanh tra và đề xuất xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật thuộc các lĩnh

vực được phân công trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong hoạt động các lĩnh vực được phân công trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Quận;

h) Tổ chức triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đóng trên địa bàn trong việc triển khai, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ của Phòng;

i) Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân Quận;

k) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, 1 năm và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân Quận, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ quyền hạn cụ thể về kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân:

a) Giúp Ủy ban nhân dân Quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá, giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm rượu; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của Phòng theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân Quận;

b) Tổ chức, hướng dẫn và thực hiện chính sách khuyến khích các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân đầu tư phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh; tổ chức các hoạt động dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và đào tạo nguồn nhân lực cho các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn;

c) Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân trên địa bàn Quận.

3. Nhiệm vụ quyền hạn cụ thể về khoa học - công nghệ và năng lượng:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ theo quy định tại Luật Khoa học và công nghệ, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và làm thường trực Hội đồng khoa học và công nghệ của Ủy ban nhân dân Quận;

b) Phát triển phong trào lao động sáng tạo, phổ biến, lựa chọn các tiến bộ khoa học và công nghệ, các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, các sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để hỗ trợ áp dụng tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn Quận; tổ chức thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn. Theo dõi, giám sát, phối hợp và hỗ trợ các đơn vị tổ chức thực hiện các dự án chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống trên địa bàn;

c) Quản lý nhà nước đối với hoạt động tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ; an toàn bức xạ, hạt nhân theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Xây dựng hệ thống thông tin, thống kê, lưu trữ về khoa học và công nghệ tại địa phương theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ;

đ) Triển khai thực hiện quy hoạch, chính sách, kế hoạch phát triển điện lực, phát triển việc ứng dụng năng lượng mới, năng lượng mặt trời, năng lượng gió và các dạng năng lượng khác trên địa bàn quản lý;

e) Triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch nghiên cứu, phát triển sản xuất và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng trên địa bàn quản lý;

g) Tổ chức triển khai thực hiện quy định về quản lý hoạt động điện lực trên địa bàn; các quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và các công trình điện khác trên địa bàn quản lý;

h) Tổ chức tập huấn kiến thức pháp luật về hoạt động điện lực và sử dụng điện, tập huấn về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và an toàn điện cho cán bộ quản lý năng lượng, cán bộ và nhân viên của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất và các tổ chức quản lý điện trên địa bàn; hướng dẫn và kiểm tra việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm an toàn điện trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hoạt động điện lực và sử dụng điện, các quy trình, quy định về an toàn điện áp dụng trong nội bộ cơ quan, doanh nghiệp;

i) Tổ chức triển khai thực hiện phương án giá điện trên địa bàn quản lý. Phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện kiểm tra, thanh tra chuyên ngành điện lực theo quy định của pháp luật và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực năng lượng.

4. Nhiệm vụ quyền hạn cụ thể về nông nghiệp và phát triển nông thôn:

a) Tổ chức thực hiện công tác phát triển sản xuất nông, ngư nghiệp; phối hợp công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sâu bệnh, dịch bệnh trên địa bàn;

b) Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức bảo vệ đê điều, các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; công trình nuôi trồng thủy sản; công trình cấp, thoát nước nông thôn; phối hợp bảo vệ công trình phòng, chống lũ, lụt, bão; quản lý mạng lưới thủy nông trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; chế biến nông sản, thủy sản; phát triển ngành, nghề, làng nghề nông thôn;

d) Thống kê diễn biến đất nông nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản; tổ chức thực hiện các biện pháp canh tác phù hợp để khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản;

đ) Quản lý các hoạt động thương mại, dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, thủy sản; vật tư nông nghiệp, phân bón và thức ăn chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn Quận;

e) Tổ chức thực hiện công tác khuyến nông, khuyến ngư và các dự án phát triển nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn Quận.

5. Thực hiện một số nhiệm vụ khác:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân Quận xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn Quận; Giúp Ủy ban nhân dân Quận thực hiện quản lý nhà nước đối với chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, các cửa hàng thương mại trên địa bàn Quận;

b) Phối hợp với Phòng Nội vụ tham mưu và đề xuất Ủy ban nhân dân Quận về công tác nhân sự Ban quản lý các chợ trên địa bàn Quận.

c) Thực hiện một số nhiệm vụ khác về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc ngành theo sự phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận và theo quy định của pháp luật.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Kinh tế Quận có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc các Sở liên quan về thực hiện các mặt công tác chuyên môn của Phòng;

b) Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về các nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy quyền điều hành các hoạt động của Phòng;

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận quyết định theo qui định của pháp luật;

d) Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể đơn vị, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Kinh tế Quận tổ chức thành các Tổ chuyên môn, gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ quản lý Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp;
- Tổ quản lý Thương mại, Dịch vụ;
- Tổ quản lý Nông nghiệp - Phát triển Nông thôn;
- Tổ quản lý Khoa học - Công nghệ và Năng lượng;
- Tổ quản lý Đăng ký Kinh doanh;
- Tổ quản lý Kinh tế hợp tác xã, Kinh tế tập thể, Kinh tế tư nhân.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Trưởng phòng báo cáo thông qua Ủy ban nhân dân Quận về phương án có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc ghép nhiều lĩnh vực vào cùng một tổ trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm, đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của cơ quan.

Về công tác cán bộ: Trưởng Phòng Kinh tế Quận phối hợp với Trưởng Phòng Nội vụ đề xuất việc bổ nhiệm, bố trí và miễn nhiệm các chức vụ Trưởng ban, Phó

Trưởng ban các Ban quản lý chợ trong phạm vi quản lý Quận và theo quy định của công tác cán bộ hiện hành.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể làm công tác quản lý ngành của Phòng Kinh tế do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận quyết định trong tổng biên chế hành chính của Quận trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho Quận hàng năm.

Cán bộ, công chức Phòng Kinh tế Quận có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, có bảng tên đặt tại nơi làm việc, có đeo thẻ công chức theo quy định. Cán bộ, công chức phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng và lắng nghe ý kiến của lãnh đạo Phòng, đồng nghiệp và các tổ chức hoặc cá nhân đến liên hệ công tác.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành tất cả các hoạt động của Phòng và phụ trách công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách và trực tiếp giải quyết các công tác được Trưởng phòng phân công;

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết;

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ, chuyên viên giải quyết phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.
2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.
3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức phòng một lần.
4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.
5. Lịch làm việc với các cơ sở của Phòng (các tổ chức và cá nhân có liên quan) phải nêu cụ thể trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.
6. Phòng Kinh tế có thể tổ chức họp đột xuất để triển khai công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Quận hoặc lãnh đạo các Sở - ngành thành phố có liên quan.

Điều 7. Chế độ thông tin báo cáo

Theo định kỳ (hoặc đột xuất), các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc báo cáo tình hình hoạt động, thống kê số liệu liên quan đến lĩnh vực của cơ quan, đơn vị mình về Phòng Kinh tế để phục vụ cho việc tổng hợp báo cáo hoặc tham mưu báo cáo theo quy định.

Điều 8. Mỗi quan hệ công tác

1. Đối với Ủy ban nhân dân Quận:

- Phòng Kinh tế chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân Quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân Quận về những mặt công tác đã được phân công;

- Theo định kỳ phải báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân Quận về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

2. Đối với các Sở - ngành liên quan:

Phòng Kinh tế chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Sở - ngành liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Phòng, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc các Sở liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân Quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân Quận, nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch, nhiệm vụ chính trị của Quận. Trường hợp chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Trưởng các Phòng chuyên môn khác, Trưởng Phòng Kinh tế chủ động tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân các phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân các phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn, kiểm tra cán bộ các phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng quản lý;

c) Tổ chức giao ban với Ủy ban nhân dân phường về lĩnh vực Phòng phụ trách.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của Quận:

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quận, phường, các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của Quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân Quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trưởng Phòng Kinh tế và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Ủy ban nhân dân Quận có trách nhiệm thực hiện Quy chế tổ chức và hoạt động Phòng Kinh tế. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân Quận xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp.

Điều 10. Việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Quy chế này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận ký ban hành mới có giá trị./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thành

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2013/QĐ-UBND

Quận 10, ngày 27 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH**Về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 10**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị quyết số 725/2009/UBTVQH12 ngày 16 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân huyện, quận, phường nơi không tổ chức HĐND huyện, quận, phường;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15 tháng 7 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2010/TTLT-BTNMT-BNV ngày 02 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ hướng dẫn nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh về công tác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 2517/QĐ-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban

nhân dân thành phố về điều chuyển nhiệm vụ, quyền hạn từ ngành tài chính sang ngành tài nguyên môi trường;

Căn cứ Quyết định số 73/2009/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Quy chế (mẫu) tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận 10 về việc thành lập Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tại Công văn số 2485/TNMT-HC ngày 24 tháng 12 năm 2013;

Xét thẩm định của Trưởng Phòng Tư pháp quận 10 tại Công văn số 246/TP ngày 20 tháng 12 năm 2013;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ tại Tờ trình số 1399/TTr-PNV ngày 24 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày kể từ ngày ký và hủy bỏ Quyết định số 003/2010/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân quận về Ban hành Quy chế sửa đổi, bổ sung tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 15 phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thị Diệu Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2013/QĐ-UBND
ngày 27 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân quận 10)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Vị trí

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 10.

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp, toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận 10; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Chức năng

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận 10 thực hiện chức năng quản lý nhà nước về: tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, môi trường, khí tượng, thủy văn, đo đạc và bản đồ.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10 có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Trình Ủy ban nhân dân quận 10 ban hành các văn bản hướng dẫn việc thực

hiện các quy hoạch, kế hoạch, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý tài nguyên và môi trường; kiểm tra việc thực hiện sau khi Ủy ban nhân dân quận ban hành.

2. Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quận và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt; thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Phường không thuộc khu vực quy hoạch phát triển đô thị.

3. Thẩm định hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển quyền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu, sử dụng tài sản gắn liền với đất cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận 10.

4. Theo dõi biến động về đất đai; cập nhật, chỉnh lý các tài liệu và bản đồ về đất đai; quản lý hoạt động của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất quận 10 theo phân cấp của Ủy ban nhân dân quận; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện thống kê, kiểm kê, đăng ký đất đai đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường ở Phường; thực hiện việc lập và quản lý hồ sơ địa chính, xây dựng hệ thống thông tin đất đai Quận.

5. Tham gia cùng các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng bảng giá các loại đất định kỳ hàng năm; tham gia thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật; tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc phối hợp các cơ quan có liên quan xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn về công tác định giá đất của Phòng Tài nguyên và Môi trường quận quy định như sau:

6.1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận;

6.2. Tham gia cùng các cơ quan liên quan trong việc xây dựng bảng giá các loại đất, theo hướng dẫn của Ban chỉ đạo xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố; thực hiện việc điều tra, khảo sát giá đất, thống kê giá các loại đất; xây dựng, cập nhật thông tin giá đất, xây dựng cơ sở dữ liệu về giá đất trên địa bàn quận;

6.3. Hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận hoặc phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xử lý vướng mắc về chính sách bồi thường, hỗ

trợ và tái định cư; hướng dẫn xác định người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ hoặc không được bồi thường, hỗ trợ;

6.4. Phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch quận và các cơ quan chuyên môn có liên quan về thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận;

6.5. Báo cáo Ủy ban nhân dân quận, Sở Tài nguyên và Môi trường (Ban chỉ đạo xây dựng bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố) theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình xây dựng và thực hiện bảng giá các loại đất trên địa bàn quận.

7. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân quận về bảo vệ tài nguyên đất đai, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản (nếu có).

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại địa phương theo luật định. Tổ chức đăng ký, xác nhận và kiểm tra thực hiện cam kết bảo vệ môi trường và đề án bảo vệ môi trường trên địa bàn; phối hợp cơ quan chức năng thực hiện báo cáo hiện trạng môi trường theo định kỳ; đề xuất các giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề, các cụm công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn; thu thập, quản lý lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước và môi trường trên địa bàn; hướng dẫn Ủy ban nhân dân Phường các quy định pháp luật có liên quan chức năng hoạt động của Phòng Tài nguyên và Môi trường và tạo điều kiện để các tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường hoạt động có hiệu quả.

9. Điều tra, thống kê, tổng hợp và phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

10. Thực hiện kiểm tra và tham gia thanh tra, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

11. Giúp Ủy ban nhân dân quận quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của các hội, các tổ chức phi chính phủ hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

12. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin về tài nguyên và môi trường, các dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

13. Báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện nhiệm vụ về các lĩnh vực công tác được giao cho Ủy ban nhân dân quận, Sở Tài nguyên và Môi trường.

14. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về tài nguyên và môi trường đối với công chức chuyên môn Phường.

15. Quản lý tổ chức bộ máy, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

16. Quản lý tài chính, tài sản của Phòng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

17. Tổ chức thực hiện các dịch vụ công trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại địa phương theo quy định của pháp luật.

18. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Tổ chức bộ máy

1. Phòng Tài nguyên và Môi trường có Trưởng phòng và không quá 03 Phó Trưởng phòng.

a) Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

b) Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng Ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

c) Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10 có Văn phòng Đăng ký quyền sử

dụng đất trực thuộc, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

3. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên; đặc điểm tình hình cụ thể, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Tài nguyên và Môi trường quận tổ chức thành các tổ chuyên môn gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác của Phòng.

Tuỳ theo quy mô hoạt động, tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân quận có thể bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc kiêm nhiệm các lĩnh vực trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức và phân bổ biên chế cho Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10 cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Số lượng biên chế cụ thể của Phòng Tài nguyên và Môi trường do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng số chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Trưởng phòng phụ trách, điều hành toàn bộ các hoạt động của Phòng và phụ trách những công tác trọng tâm. Các Phó Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác được Trưởng phòng phân công, trực tiếp giải quyết các công việc theo chủ trương, kế hoạch đã đề ra.

2. Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn của Phó Trưởng phòng khác, Phó Trưởng phòng chủ động bàn bạc thống nhất hướng giải quyết, chỉ trình Trưởng phòng quyết định các vấn đề chưa nhất trí với các Phó Trưởng phòng khác hoặc những vấn đề mới phát sinh mà chưa có chủ trương, kế hoạch và biện pháp giải quyết.

3. Trong trường hợp Trưởng phòng trực tiếp yêu cầu các cán bộ, chuyên viên giải

quyết công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó được thực hiện nhưng cán bộ phải báo cáo cho Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách biết.

Điều 6. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cán bộ, công chức một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt.

5. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị; nội dung làm việc được Phòng chuẩn bị chu đáo để giải quyết có hiệu quả các yêu cầu phát sinh liên quan đến hoạt động chuyên môn của Phòng.

Điều 7. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan:

Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường, thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cử cán bộ phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường tại quận khi có yêu cầu.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Tài nguyên và Môi trường chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng, Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch phụ trách khối và phải thường xuyên báo cáo với Thường trực Ủy ban nhân dân quận về những mặt công tác đã được phân công;

Theo định kỳ phải báo cáo với Ủy ban nhân dân quận 10 về nội dung công tác của Phòng và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các cơ quan chuyên môn khác thuộc Ủy ban nhân dân quận:

Thực hiện mối quan hệ hợp tác và phối hợp trên cơ sở bình đẳng, theo chức năng, nhiệm vụ, dưới sự điều hành chung của Ủy ban nhân dân quận 10, nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh tế - xã hội của Quận. Trong trường hợp Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp giải quyết công việc, nếu chưa nhất trí với ý kiến của Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn khác, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tập hợp các ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và 15 phường; các cơ quan, tổ chức; tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội quần chúng thuộc quận:

Khi các cơ quan, tổ chức tổ chức có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ của Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

5. Đối với Ủy ban nhân dân 15 phường:

a) Phối hợp hỗ trợ và tạo điều kiện để Ủy ban nhân dân 15 phường thực hiện các nội dung quản lý nhà nước liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Phòng;

b) Hướng dẫn cán bộ, công chức phường về chuyên môn, nghiệp vụ của ngành, lĩnh vực công tác do Phòng Tài nguyên và Môi trường quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Căn cứ Quy chế này, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 10 có trách nhiệm cụ thể hóa chức năng, nhiệm vụ của Phòng, quy định quyền hạn, trách nhiệm, chức danh, tiêu chuẩn công chức và người lao động của cơ quan, đảm bảo bộ máy tinh gọn, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và phù hợp với đặc điểm của địa phương, nhưng không trái với nội dung Quy chế này.

2. Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền hoặc

cần bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường đề xuất trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết sau khi trao đổi thống nhất với Trưởng Phòng Nội vụ quận 10./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thị Diệu Anh

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng